

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H;

Địa chỉ: Tổ N, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Đ trình bày:

Vào ngày 09 tháng 5 năm 2018, giữa Ngân hàng TMCP Đ ký với ông Nguyễn Thanh H Hợp đồng tín dụng số 01/2018/6272871/HĐTD, số tiền giải ngân cho vay: 700.000.000đ (*Bảy trăm triệu đồng*). Mục đích vay: Thu mua nông sản; Thời hạn vay: 11 tháng kể từ ngày 09/5/2018 đến hết ngày 08/4/2019. Mức lãi suất cho vay ưu đãi kể từ ngày vay đến hết ngày 31/7/2018 là 8,5%/năm. Sau đó mức lãi suất thực hiện điều chỉnh theo định kỳ. Mức lãi suất kể từ ngày 01/8/2018 cho đến nay là 10,2%. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Trả lãi theo định kỳ vào ngày 05 của tháng thứ hai của quý (05/02; 05/5; 05/8; 05/11) với kỳ tính lãi đến hết ngày 15 của tháng đầu quý. Thời hạn trả lãi của kỳ trả lãi cuối cùng kết thúc vào ngày trả nợ gốc cuối cùng.

Tài sản bảo đảm: Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 24 và tài sản gắn liền với đất; Địa chỉ thửa đất: Đường T, tổ N, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 585125, do UBND huyện N cấp ngày 26/4/2018 cho ông Nguyễn Thanh H theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/6272871/HĐBĐ, ngày 09/5/2018.

Ông Nguyễn Thanh H đã đi khỏi địa phương không thông báo địa chỉ mới để nguyên đơn được biết. Tính đến hết ngày 21/9/2021 bị đơn chưa trả đồng nào tiền lãi, tiền gốc. Còn nợ gốc 700.000.000đ; nợ lãi trong hạn 237.934.795đ; nợ lãi quá hạn 87.831.781đ.

Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Thanh H chịu trách nhiệm trả toàn bộ nợ gốc và lãi tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm là 1.025.766.576đ (*Một tỷ, không trăm hai mươi lăm triệu, bảy trăm sáu mươi sáu nghìn, năm trăm bảy mươi sáu đồng*) và lãi tiếp theo cho đến khi thanh toán xong nợ. Nếu đến ngày án có hiệu lực pháp luật mà ông Nguyễn Thanh H không trả thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Nếu tài sản bảo đảm xử lý không đủ buộc bị đơn tiếp tục trả số tiền còn thiếu. Buộc ông Nguyễn Thanh H phải chịu án phí, chi phí cho việc đăng thông tin, chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định pháp luật.

Bị đơn là ông Nguyễn Thanh H: Theo tài liệu Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương được biết ông Nguyễn Thanh H đã đi khỏi địa phương từ năm 2018. Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết và đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định pháp luật nhưng ông Nguyễn Thanh H vẫn không tham gia tố tụng, không ủy quyền, không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án.

Ý kiến vị đại diện Viện kiểm sát: Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán, các Hội thẩm nhân dân, Thư ký tuân thủ và thực hiện đúng theo qui định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành việc tham gia tố tụng tại Tòa. Bị đơn không chấp hành tham gia tố tụng và vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đánh giá: Hợp đồng tín dụng số 01/2018/6272871/HĐTD ngày 09/5/2018 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/6272871/HĐBĐ, ngày 09/5/2018 có hiệu lực pháp luật. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc bị đơn chịu trách nhiệm trả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và các chi phí cho việc đăng thông tin, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ khi án có hiệu lực pháp luật mà bị đơn chưa hoàn tất việc thanh toán tiền theo Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 297, Điều 306 Luật thương mại; Các Điều 117, 119, 299, 317, 318, 320, 321, 323, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015 và theo Án lệ số [08/2016/AL](#). Buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Đây là quan hệ phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại, các bên đều đăng ký kinh doanh, có mục đích lợi nhuận. Lúc đầu Tòa án thụ lý xác định án dân sự do Ngân hàng chưa cung cấp giấy đăng ký kinh doanh của bị đơn. Sau khi Ngân hàng cung cấp Giấy đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh Nguyễn Thanh H nên Tòa án đã có thông báo chuyển vụ án dân sự thành vụ án kinh doanh thương mại để giải quyết đúng quy định pháp luật. Vì vậy Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 30,

điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo vụ việc, lãnh thổ.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, đăng thông báo hợp lệ, bị đơn không tham gia tố tụng và vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Như vậy bị đơn đã từ bỏ quyền và không chấp hành nghĩa vụ của mình. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Vào ngày 09 tháng 5 năm 2018 giữa nguyên đơn và bị đơn đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2018/6272871/HĐTD, số tiền giải ngân cho vay: 700.000.000đ (*Bảy trăm triệu đồng*). Tài sản bảo đảm thực hiện theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/6272871/HĐBĐ, ngày 09/5/2018.

Xét tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản: Về hình thức của các hợp đồng: Các chủ thể tham gia ký kết đều có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, hình thức hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 119 và Điều 502 của Bộ luật dân sự năm 2015, được lập bằng văn bản, Hợp đồng thế chấp tài sản được chứng thực tại văn phòng công chứng V và đăng ký thế chấp tại văn phòng đăng ký đất đai huyện N. Mục đích và nội dung thỏa thuận trong các hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp theo quy định tại Điều 117 và Điều 501 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Như vậy Hợp đồng tín dụng số 01/2018/6272871/HĐTD ngày 09/5/2018 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/6272871/HĐBĐ ngày 09/5/2018 có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ, buộc các bên phải thực hiện theo nội dung thỏa thuận trong các hợp đồng.

Xét việc thực hiện hợp đồng của các bên: Nguyên đơn đã thực hiện đúng hợp đồng, đã giải ngân cho bị đơn vay đúng, đủ số tiền 700.000.000đ (*Bảy trăm triệu đồng*). Sau khi nhận tiền giải ngân bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả lãi và gốc, cụ thể: Theo mục 6 của Hợp đồng tín dụng quy định: Bên vay có nghĩa vụ trả lãi theo định kỳ vào ngày 05 của tháng thứ hai của quý (05/02; 05/5; 05/8; 05/11) với kỳ tính lãi đến hết ngày 15 của tháng đầu quý. Thời hạn trả lãi của kỳ trả lãi cuối cùng kết thúc vào ngày trả nợ gốc cuối cùng, bị đơn đã không trả đồng nào tiền lãi theo quy định. Thời hạn trả nợ gốc quy định trả vào ngày đáo hạn của hợp đồng. Theo mục 3 của Hợp đồng tín dụng quy định ngày đáo hạn 08/4/2019 nhưng bị đơn cũng không trả nợ gốc.

Từ những vi phạm trên cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở được chấp nhận; Buộc bị đơn phải trả đủ số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 01/2018/6272871/HĐTD ngày 09/5/2018 tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm 21/9/2021: (nợ gốc 700.000.000đ + nợ lãi trong hạn 237.934.795đ + nợ lãi quá hạn 87.831.781đ); Tổng cộng 1.025.766.576đ (*Một tỷ, không trăm hai mươi lăm triệu, bảy trăm sáu mươi sáu nghìn, năm trăm bảy mươi sáu đồng*) và lãi tiếp theo cho đến khi thanh toán xong nợ theo khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng sửa đổi, bổ sung năm 2017, khoản 1 Điều 297 Luật thương mại buộc thực hiện đúng hợp đồng, Điều 463, các khoản 1, 3, 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng vay tài sản và nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

[3] Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Theo Án lệ số [08/2016/AL](#) được công bố theo quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về xác định lãi suất, thì: *“Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”*. Hội đồng xét xử xét thấy tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Vì vậy, cần áp dụng Điều 306 luật Thương mại và Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao để xác định nghĩa vụ chậm thi hành án.

[4] Về xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ:

Để bảo đảm cho khoản vay trong Hợp đồng tín dụng và toàn bộ số tiền lãi, phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại và nghĩa vụ tài chính khác, tài sản bảo đảm được ghi nhận tại Điều 2 của Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/6272871/HĐBĐ, ngày 09/5/2018 là thửa đất số 51, tờ bản đồ số 24 và tài sản gắn liền với đất; Địa chỉ thửa đất: Số X đường T, tổ N, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 585125, do UBND huyện N cấp ngày 26/4/2018 cho ông Nguyễn Thanh H. Qua xem xét thẩm định tại chỗ thấy tài sản bảo đảm đúng với tài sản đã thế chấp, phù hợp với

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp, tại thời điểm xem xét thẩm định không có tranh chấp, không liên quan đến bên thứ ba, đảm bảo điều kiện pháp lý để xử lý.

Tại phiên tòa nguyên đơn đưa ra thời hạn để xử lý tài sản bảo đảm khi án có hiệu lực pháp luật mà bị đơn không hoàn tất việc thanh toán tiền và nếu tài sản bảo đảm xử lý không đủ thì bị đơn phải tiếp tục trả số tiền còn thiếu cho nguyên đơn. Xét yêu cầu của nguyên đơn đã được ghi nhận tại điểm a khoản 1 Điều 9 xử lý tài sản thế chấp; Điều 11 xử lý tiền bán tài sản thế chấp của Hợp đồng thế chấp. Nội dung thỏa thuận này phù hợp với khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng quy định về quyền xử lý tài sản bảo đảm khi khách hàng không trả được nợ đến hạn; các Điều 299, 317, 318, 319, khoản 6 Điều 320 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn khi án có hiệu lực pháp luật mà ông Nguyễn Thanh H không trả đủ tiền gốc và lãi được xác định trên thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Nếu tài sản bảo đảm được xử lý mà không đủ thì ông Nguyễn Thanh H tiếp tục trả số tiền còn thiếu. Nếu tài sản bảo đảm được xử lý dư sau khi đã hoàn tất các nghĩa vụ thì được trả lại cho ông Nguyễn Thanh H.

[5] Về án phí và các khoản chi phí khác:

Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo số tiền nợ gốc và lãi được xác định là 42.772.000đ (*Bốn mươi hai triệu, bảy trăm bảy mươi hai nghìn đồng*). Nguyên đơn được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Việc xử lý tiền tạm ứng án phí, án phí theo Điều 144, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của [Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14](#) ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã ứng tiền để chi phí cho việc thông báo tìm người vắng mặt tại nơi cư trú là 3.044.000đ và 1.800.000đ chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ; Tổng cộng 4.844.000đ (*Bốn triệu, tám trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*). Buộc bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền này theo điểm c khoản 3 Điều 2 quy định lãi suất và phí tại điều khoản và điều kiện vay có kèm theo Hợp đồng tín dụng số 01/2018/6272871/HĐTD ngày 09/5/2018; theo khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nếu chậm trả tiền thì bị đơn phải chịu lãi 10%/năm/ số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các khoản 1, 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 297 Luật thương mại; các Điều 117, 119, 299, 317, 318, 319, khoản 6 Điều 320, Điều 463, các khoản 1,3,5 Điều 466; Điều 501, 502 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 306 luật Thương Mại; Án lệ số 08/2016/AL được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả lãi chậm thi hành án;

Căn cứ Điều 144, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 và danh mục án phí của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền kháng cáo;

xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1. Buộc ông Nguyễn Thanh H phải trả Ngân hàng TMCP Đ số tiền dư nợ gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng số 01/2018/6272871/HĐTD ngày 09/5/2018, tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/9/2021): (nợ gốc 700.000.000đ + nợ lãi trong hạn 237.934.795đ + nợ lãi quá hạn 87.831.781đ); Tổng cộng 1.025.766.576đ (*Một tỷ, không trăm hai mươi lăm triệu, bảy trăm sáu mươi sáu nghìn, năm trăm bảy mươi sáu đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bên vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng; (*mức lãi suất trong hạn của Hợp đồng tín dụng số 01/2018/6272871/HĐTD ngày 09/5/2018 đang áp dụng 10,2%/năm*) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Và sẽ được điều chỉnh tiếp theo (nếu có) cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Buộc ông Nguyễn Thanh H hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền chi phí cho việc thông báo tìm người vắng mặt tại nơi cư trú là 3.044.000đ và 1800.000đ chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ; Tổng cộng 4.844.000đ (*Bốn triệu, tám trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*). Kể từ ngày án có hiệu lực pháp

luật nếu ông Nguyễn Thanh H chậm trả số tiền này thì phải trả lãi 10%/năm/số tiền chậm trả.

1.2. Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật nếu ông Nguyễn Thanh H không hoàn tất việc thanh toán tiền cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền dư nợ gốc, lãi và các chi phí xác định trên thì Ngân hàng TMCP Đ được yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là thửa đất số 51, tờ bản đồ số 24 và tài sản gắn liền với đất; Địa chỉ thửa đất: Số X đường T, tổ N, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 585125, do UBND huyện N cấp ngày 26/4/2018 cho ông Nguyễn Thanh H để thu hồi nợ.

Nếu tài sản bảo đảm được xử lý mà không đủ thì ông Nguyễn Thanh H phải tiếp tục trả số tiền còn thiếu cho Ngân hàng TMCP Đ. Nếu tài sản bảo đảm xử lý còn dư sau khi đã hoàn tất các nghĩa vụ thì được trả lại cho ông Nguyễn Thanh H.

2.Về án phí : Ông Nguyễn Thanh H phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 42.772.000đ (*Bốn mươi hai triệu, bảy trăm bảy mươi hai nghìn đồng*), để nộp ngân sách Nhà nước. Ngân hàng TMCP Đ được nhận lại 19.282.000đ (*mười chín triệu hai trăm tám mươi hai nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0002535 ngày 23-10-2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Kon Tum.

3.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/9/2021). Ông Nguyễn Thanh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 [Luật Thi hành án dân sự](#) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- Viện kiểm sát nhân dân huyện.
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hào

